



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 03/KQXN.13.01.2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

I. Thông tin mẫu:

1. Tên mẫu: Nước sinh hoạt

2. Mã mẫu:

03.01.25.A5 (M1): Vòi phát Xí nghiệp Hưng Nhân

03.01.25.A6 (M2): GĐ Ngô Văn Quang - TDP Đăng Xá - TT Hưng Nhân - H Hưng Hà - TB

03.01.25.A7 (M3): GĐ Hồ Văn Quyết - TDP Thạch - TT Hưng Nhân - H Hưng Hà - TB

3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai kín Thể tích mẫu: 1000ml

4. Nơi lấy mẫu: Xí nghiệp nước Hưng Nhân

5. Địa chỉ: TDP Đầu - Thị Trấn Hưng Nhân – Huyện Hưng Hà - Tỉnh Thái Bình.

6. Người gửi mẫu/Lấy mẫu: Vũ Tiến Hưng

7. Ngày nhận mẫu: 03/01/2025

8. Thời gian thí nghiệm: 03/01/2025

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
1.	Màu sắc (*)	Method 8025	< 3	< 3	< 3	Pt-Co	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	/	Không có mùi vị lạ
3.	pH (*)	TCVN 6492:2011	6.69	6.63	6.70	/	6.0 → 8.5
4.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	0.452	0.394	0.419	NTU	2
5.	Clo dư (*)	Method 8021	0.8	0.43	0.41	mg/L	0.2 → 1.0
6.	Sắt (Fe) (*)	Method 8008	< 0.02	< 0.02	0.02	mg/L	0.3
7.	Mangan (Mn) (*)	Method 8149	0.009	0.006	0.007	mg/L	0.1
8.	Độ cứng tổng (theo CaCO ₃) (*)	TCVN 6224:1996	120	125	135	mg/L	300
9.	Hàm lượng Amoni	Method 8038	< 0.02	< 0.02	< 0.02	mg/L	0.3
10.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	Method 8507	0.006	0.005	0.007	mg/L	0.05

Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.

3. "*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. "***" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023

1/2





CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 03/KQXN.13.01.2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
11.	Hàm lượng Sulfate (SO_4^{2-})	Method 8051	8	9	7	mg/L	250
12.	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0.34	0.25	0.42	mg/L	2
13.	Hàm lượng muối Clorua	TCVN 6194:1996	8.02	8.75	8.02	mg/L	250 hoặc 300

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCĐP 01:2023/TB
			M1	M2	M3		
1.	Coliform (**)	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 3
2.	E.coli (**)	TCVN6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 1

Ghi chú: KPH – không phát hiện.

Thái Bình, ngày 13 tháng 01 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG KH- KT

TRƯỞNG BP XÉT NGHIỆM



Trần Văn Đức

Nguyễn Trung Kiên

Phùng Thị Thu Hà

- Lưu ý:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.
 - Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.
 - ** Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
 - *** Chi tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023

2/2